

Số: 01/NQ – ĐHĐCD

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần 01) của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 29 tháng 06 năm 2021.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị (Chi tiết theo Báo cáo của HĐQT đính kèm Nghị quyết này), trong đó ĐHĐCD quyết định ủy quyền HĐQT phê duyệt và báo cáo ĐHĐCD trong cuộc họp gần nhất các nội dung sau:

- HĐQT được toàn quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư; bao gồm cả việc quyết định điều chỉnh, bổ sung các danh mục và giá trị đầu tư, các dự án mới, tổng mức đầu tư của các dự án cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật.

- HĐQT được toàn quyền quyết định việc huy động vốn (hình thức, phương thức và giá trị huy động vốn) phù hợp với quy định của pháp luật để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo số 01/BC-BKS/ILS ngày 03/6/2021 của Ban kiểm soát.

(Chi tiết theo Báo cáo của BKS đính kèm Nghị quyết này).

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Kế hoạch năm 2021 (Chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021 đính kèm Nghị quyết này), trong đó:

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu	
			Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Đồng	182.396.871.820	391.459.329.139
2	Tổng chi phí	Đồng	180.992.310.819	381.033.332.745
3	Lợi nhuận trước thuế (*)	Đồng	1.404.561.001	10.425.996.394
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.404.561.001	8.680.063.113



(\*) Lợi nhuận trước thuế trên đây là lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, không bao gồm trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính để thể hiện đúng bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh đơn vị đạt được trong kỳ.

Trên BCTC riêng còn lỗ lũy kế nên không chịu thuế TNDN.

## 2. Kế hoạch đầu tư năm 2021:

Stt	Danh mục	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư tài chính	112.500.000.000
2	Đầu tư dự án	250.000.000.000
3	Dự phòng	5.000.000.000
	<b>Tổng cộng (1+2+3)</b>	<b>367.500.000.000</b>

**Điều 4:** Thông qua Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty.

(Chi tiết theo Tờ trình đính kèm Nghị quyết này)

**Điều 5:** Thông qua Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

(Chi tiết theo Tờ trình đính kèm Nghị quyết này)

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

(Chi tiết theo Tờ trình đính kèm Nghị quyết này)

**Điều 7:** Thông qua Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021 về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021.

(Chi tiết theo Tờ trình đính kèm Nghị quyết này)

**Điều 8:** Thông qua Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 03/6/2021 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

(Chi tiết theo Tờ trình đính kèm Nghị quyết này)

**Điều 9:** Tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chỉ đạo, tổ chức thực hiện và toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến các nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT;
- BKS
- BTGD;
- Lưu VT, TK HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT



Phùng Tiến Toàn

Số: 01/BC - HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần 01) ngày 27/4/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về điều chỉnh kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình và tài liệu khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

### I. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020 của HĐQT

#### 1. Nhân sự Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hiện có 05 thành viên:

1. Ông Phùng Tiến Toàn, Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Nguyễn Thái Hòa, thành viên HĐQT – Tổng giám đốc;
3. Bà Phùng Thúy Hoa, thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc;
4. Ông Vũ Hoàng Thao, thành viên HĐQT;
5. Ông Nguyễn Văn Thịnh, thành viên HĐQT.

Trên cơ sở phân công nhiệm vụ, các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao. Toàn bộ các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đối với các nội dung xin ý kiến tập trung hoặc “Phiếu xin ý kiến”. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng vai trò, chức trách được giao, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### 2. Công tác quản trị, điều hành của HĐQT:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2020 HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp tập trung và 24 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các nội dung quan trọng, thuộc phạm vi quyền hạn của HĐQT và triển khai Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2020 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua. Trong đó, HĐQT đã đưa ra một số quyết định quan trọng như sau:

- Tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh đối với Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình; tập trung hóa hoạt động kinh doanh Cảng cạn ICD Mỹ Đình về Công ty mẹ;
- Sắp xếp, cơ cấu lại các phòng/ban trong Công ty: Tách Ban Tài chính – Đầu tư thành Ban Tài chính – Kế toán và Ban Dự án; thay đổi cơ cấu các phòng trong Trung tâm



Logistics và Thương mại nhằm thực hiện đúng định hướng chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiện toàn nhân sự người đại diện vốn của Công ty tại các Công ty con gồm: Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây, Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình, Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế; tại Công ty thành viên là Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp nhằm phát huy thế mạnh, năng lực, kinh nghiệm của người đại diện vốn mới khi tham gia HĐQT các Công ty này để gắn liền với hoạt động kinh doanh cốt lõi của từng Công ty cũng như kết nối chung với các Công ty khác trong hệ thống khi người đại diện vốn mới đồng thời tham gia hoạt động điều hành tại Công ty khác có hoạt động tương đồng, bổ trợ.

- Chấm dứt hoạt động các đơn vị phụ thuộc (VPĐD tại Lào Cai, Chi nhánh Sơn Đông); giải thể đơn vị thành viên (Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế Hải Phòng); thanh lý một số hợp đồng hợp tác kinh doanh, đầu tư không hiệu quả nhằm cắt giảm các chi phí phát sinh và thu hồi vốn đầu tư.

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương: Điều chỉnh một số nội dung cần thiết nhằm phù hợp với thị trường lao động và nâng cao chất lượng lao động, đánh giá hiệu quả công việc tốt hơn để từ đó thực hiện việc chi trả lương đúng với năng lực của nhân sự.

- Thông qua chủ trương tham gia góp vốn đầu tư Dự án Cảng cạn (ICD) và Dịch vụ hỗ trợ (Logistics) tại thị xã Mỹ Hào, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp, dịch vụ hỗ trợ và khám chữa bệnh tại tỉnh Lâm Đồng dưới hình thức hợp tác liên danh với các đơn vị có năng lực.

- Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Dự án ĐTXD cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Thông qua việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp dự án với vốn điều lệ là 550 tỷ đồng để triển khai thực hiện đầu tư dự án Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp Tây Ninh với số vốn góp chiếm 15% trên tổng vốn Điều lệ.

### **3. Kết quả chỉ đạo, giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc:**

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Cụ thể:

- HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 trong nước và trên thế giới có nhiều diễn biến phức tạp.

- Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty nói chung và hoạt động kinh doanh nói riêng.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đồng thời ban hành hoặc chỉ đạo ban hành kịp thời các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát hiệu quả mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Mặc dù là một năm hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 nhưng Công ty vẫn đạt được kết quả cụ thể như sau:

#### **3.1. Kết quả kinh doanh:**

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020		Thực hiện năm 2020	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	205.000.000.000	316.887.770.703	197.117.049.848	298.642.171.938
2	Tổng chi phí	200.000.000.000	309.909.567.848	199.650.790.157	300.300.318.812
3	Lợi nhuận trước thuế	5.000.000.000	6.978.202.855	(2.533.740.309)	(1.658.146.874)
4	Lợi nhuận sau thuế	5.000.000.000	6.582.562.284	(2.533.740.309)	(2.122.278.068)

**Ghi chú:**

- Kết quả lợi nhuận trước thuế (riêng và hợp nhất) bị âm do Công ty phải trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng số tiền: 8.560.710.411 đồng.

- Nếu không trích lập dự phòng, kết quả kinh doanh như sau:

- Kết quả kinh doanh riêng:
  - Lợi nhuận trước thuế: 3.661.470.894 đồng.
  - Lợi nhuận sau thuế: 3.661.470.894 đồng (do Công ty chưa phải nộp thuế TNDN).
- Kết quả kinh doanh hợp nhất:
  - Lợi nhuận trước thuế: 6.131.160.757 đồng.
  - Lợi nhuận sau thuế: 5.734.690.593 đồng.

Công ty đã thực hiện các chỉ tiêu:

- Doanh thu riêng đạt 96,2% so với kế hoạch;
- Doanh thu hợp nhất đạt 94,2% so với kế hoạch.
- Nếu không tính phần trích lập dự phòng, Công ty thực hiện 73% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế và 87% lợi nhuận hợp nhất sau thuế so với kế hoạch.

## 3.2. Kết quả đầu tư:

3.2.1 Đầu tư dự án năm 2020 đạt: 10.650.670.061 đồng. Cụ thể:

a. Dự án ĐTXD Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội:

- Thực hiện đầu tư trong năm 2020: 9.795.307.186 đồng, trong đó:

- Giải phóng mặt bằng (GPMB): 710.000.000 đồng;
- Các gói thầu tư vấn: 576.680.000 đồng;
- Các gói thầu xây lắp: 1.295.000.000 đồng;
- Hạng mục khác: 7.213.627.186 đồng.

- Lũy kế vốn đầu tư đến 31/12/2020: 229.301.402.693 đồng.

b. Dự án ĐTXD Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng:

- Số tiền đầu tư (ghi nhận vào dự án) trong năm: 855.362.875 đồng.

- Lũy kế đến 31/12/2020: 1.955.246.639 đồng

2.2. Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Tập đoàn ASG: mua thêm 15.718 cổ phần tăng vốn điều lệ, tương đương số tiền 282.924.000 đồng.

2.3. Thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư và chuyển nhượng vốn góp:

- Thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Logistics Tây Ninh với tổng giá trị là 108.000.000.000 đồng;

- Chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Interserco Cao Bằng với tổng giá trị là 384 triệu đồng;

- Chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp hóa chất Lào Cai với tổng giá trị là 300 triệu đồng;

- Thu hồi phần vốn góp vào Công ty CP dịch vụ ăn uống Hà Nội số tiền 125 triệu đồng.

2.4. Tài sản:

- Mua 01 xe nâng 3T trị giá: 258.555.576 đồng;

- Trang bị thêm 01 hệ thống CNTT – GD 1 trị giá: 235.740.728 đồng;

- Mua sắm một số trang thiết bị, công cụ dụng cụ mới: 124.287.875 đồng;

- Bán thanh lý 01 ô tô bán tải Ford Ranger trị giá: 340.000.000 đồng;

- Bán thanh lý một số trang thiết bị, công cụ dụng cụ không có nhu cầu sử dụng: 35.162.000 đồng.

Toàn bộ công tác đầu tư được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

#### **4. Báo cáo việc trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020:**

Công ty không thực hiện trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2020.

#### **5. Báo cáo việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020:**

Công ty đã tiến hành chi trả thù lao năm 2020 cho HĐQT, BKS theo đúng ngân sách chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua là 432.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu đồng).

#### **II. Báo cáo hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020:**

Trong năm 2020, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các phiên họp, các lần lấy ý kiến của Hội đồng quản trị, trong đó:

- Ông Phùng Tiến Toàn tham gia 6/6 phiên họp, 24/24 lần lấy ý kiến.
- Ông Nguyễn Thái Hòa tham gia 6/6 phiên họp, 24/24 lần lấy ý kiến.
- Bà Phùng Thúy Hoa tham gia 6/6 phiên họp, 24/24 lần lấy ý kiến.
- Ông Vũ Hoàng Thao tham gia 6/6 phiên họp, 24/24 lần lấy ý kiến.
- Ông Nguyễn Văn Thịnh tham gia 5/6 phiên họp, 24/24 lần lấy ý kiến.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, cụ thể:

- Ông Phùng Tiến Toàn với vai trò phụ trách chung mọi hoạt động của HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo và giám sát việc nghiên cứu chiến lược kinh doanh, phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền, việc thực hiện các Dự án đầu tư trọng điểm của Công ty.
- Ông Nguyễn Thái Hòa chỉ đạo, giám sát lĩnh vực kinh doanh hạ tầng và dịch vụ logistics, kinh doanh thương mại, phân phối của Công ty và hợp tác liên doanh liên

kết với hệ thống các công ty của ILS, xây dựng chiến lược, định hướng kế hoạch phát triển SXKD của Công ty và hệ thống.

- Bà Phùng Thúy Hoa chỉ đạo và giám sát lĩnh vực kinh doanh và phát triển thị trường xuất khẩu lao động, công tác hành chính – nhân sự, tổ chức – tiền lương, chế độ chính sách với người lao động, công tác đoàn thể, công tác văn hóa xã hội, công tác chất lượng dịch vụ, hệ thống quản lý chất lượng ISO của Công ty, công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Ông Vũ Hoàng Thao trực tiếp chỉ đạo giám sát các lĩnh vực tài chính – kế toán, kiểm soát nội bộ, tham gia quản lý các Dự án đầu tư của Công ty, huy động nguồn vốn, thẩm định kế hoạch kinh doanh hàng năm, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Ông Nguyễn Văn Thịnh trực tiếp chỉ đạo giám sát công tác đầu tư, xây dựng, phương án khai thác các dự án của Công ty (tài chính đầu tư, thẩm định hiệu quả các dự án đầu tư); kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của việc sử dụng phần vốn góp của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

### **III. Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2021**

#### **1. Triển vọng phát triển năm 2021:**

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước và trên thế giới vẫn có những diễn biến khó lường, năm 2021 được tiếp tục nhận định là một năm khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam. Sự kéo dài và phức tạp của dịch bệnh đã khiến hoạt động vận tải và logistics Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn, phần lớn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải và logistics lâm vào tình trạng khó khăn, trong đó nhiều doanh nghiệp đã phải ngừng hoạt động.

Tuy nhiên, với sự ra đời của vắc-xin và khả năng kiểm soát tốt dịch bệnh của Chính phủ, hoàn toàn có thể tin tưởng nền kinh tế Việt Nam sẽ nhanh chóng được phục hồi.

Đối mặt với những thách thức và cơ hội trên đây, Công ty cần quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp phù hợp để giữ vững thị trường, khách hàng; tối giản các chi phí doanh nghiệp và thích ứng với biến động của thị trường.

#### **2. Định hướng hoạt động năm 2021:**

Trên cơ sở những nhận định về thị trường năm 2021, HĐQT sẽ chỉ đạo triển khai một số định hướng như sau:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Chỉ đạo Ban TGD tăng cường áp dụng các công cụ điều hành để duy trì doanh thu, giữ vững khách hàng, tối giản hóa các chi phí doanh nghiệp và hệ thống.
- Tiếp tục triển khai chiến lược đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2016 – 2021 theo định hướng đã được ĐHĐCĐ lần thứ nhất thông qua ngày 18/11/2016.
- Thực hiện xong việc thoái phần vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác phát triển thương hiệu ILS trong hệ thống nhằm nâng cao giá trị và sức mạnh thương hiệu.
- Tiếp tục duy trì, tăng cường phối hợp với BKS nhằm mục tiêu quản trị và kiểm soát hoạt động công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định.
- Nghiên cứu và ứng dụng giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống ILS, quản trị tập trung nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và hệ thống.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2021 theo kế hoạch như sau:

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	
			Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Đồng	182.396.871.820	391.459.329.139
2	Tổng chi phí	Đồng	180.992.310.819	381.033.332.745
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.404.561.001	10.425.996.394
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.404.561.001	8.680.063.113

\* *Ghi chú:* Kế hoạch kinh doanh nêu trên chưa bao gồm việc trích lập các khoản dự phòng theo quy định.

+ Tiếp tục trực tiếp đầu tư Dự án Cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội và Dự án Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

+ Phối hợp triển khai đầu tư Dự án Trung tâm Logistics, Cảng cạn ICD và Cảng tổng hợp Tây Ninh tỉnh Tây Ninh; Dự án tại Lạc Đạo, Văn Lâm.

+ Tìm kiếm đối tác để đầu tư mở rộng phạm vi kinh doanh nhằm tận dụng thế mạnh kinh doanh của hệ thống ILS.

Kế hoạch đầu tư năm 2021 như sau:

Stt	Danh mục	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư tài chính	112.500.000.000
2	Đầu tư dự án	250.000.000.000
3	Dự phòng	5.000.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>367.500.000.000</b>

### III. Đề xuất, kiến nghị

1. ĐHĐCĐ xem xét và thông qua các nội dung trong Báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội.

2. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp gần nhất các nội dung sau:

- HĐQT được toàn quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư; bao gồm cả việc quyết định điều chỉnh, bổ sung các danh mục và giá trị đầu tư, các dự án mới, tổng mức đầu tư của các dự án cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật.

- HĐQT được toàn quyền quyết định việc huy động vốn (hình thức, phương thức và giá trị huy động vốn) phù hợp với quy định của pháp luật để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Trên đây là nội dung Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 đệ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Kính đề nghị Đại hội xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



Phùng Tiến Toàn





Số: 01/BC-BKS/ILS

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sửa đổi lần 1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018;
- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện.

Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (ILS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động tại Công ty năm 2020 như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

Thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2020, Ban kiểm soát đã triển khai kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành Công ty theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Kết quả cụ thể như sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Tổng giám đốc trong việc chấp hành Điều lệ công ty, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HDQT và các quy định của Pháp luật trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm soát định kỳ 6 tháng và cuối năm tại đơn vị. Thường xuyên kiểm tra giám sát thông qua các báo cáo, tài liệu được cung cấp.
- Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, công tác đầu tư dự án và thẩm định báo cáo tài chính năm của công ty.
- Thực hiện công tác kiểm tra, soát xét lại công tác tài chính năm 2019 theo công văn số 6191/STC-TCDN ngày 25/9/2020 của Sở Tài chính Hà Nội.
- Thông qua Người đại diện quản lý vốn, phối hợp với Ban kiểm soát nội bộ công ty ILS kiểm tra công tác kế toán tại các công ty con.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT và các công việc khác thuộc thẩm quyền của BKS theo điều lệ công ty.
- Công tác kiểm tra giám sát của BKS được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp của HDQT, các Nghị quyết, Quyết định ban hành của HDQT và các tài liệu báo cáo khác. Căn cứ trách nhiệm được phân công theo lĩnh vực chuyên môn, các thành viên BKS đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁM SÁT**



### **1. Kết quả giám sát quá trình hoạt động và công tác tài chính của công ty**

- Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm tra, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính công ty được BKS thực hiện nghiêm túc, kịp thời đưa ra những kiến nghị, đề nghị bổ sung chỉnh sửa và có các giải pháp phù hợp.

- BKS đã tiến hành rà soát Báo cáo tài chính và đồng ý với báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty do Ban TGD và đơn vị kiểm toán đưa ra.

### **2. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị**

Triển khai nhiệm vụ theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên, các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng quyền hạn được giao. Năm 2020, mặc dù dịch bệnh nhưng HĐQT Công ty đã tổ chức được 06 phiên họp tập trung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm đồng thời tham gia ý kiến đối với các nội dung xin ý kiến tập trung hoặc “Phiếu xin ý kiến”. Theo đó, HĐQT đã đưa ra một số quyết định quan trọng như sau:

- Ngày 06/3/2020, HĐQT đã họp và ban hành quyết định thay đổi Người đại diện vốn của ILS tại 02 công ty con là Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình (ILSI) và Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây (ILSW). HĐQT cũng thông qua việc chấm dứt hoạt động VP đại diện tại Lào Cai và Chi nhánh Sơn Đông.

- Cùng ngày 06/3/2020, HĐQT đã họp và thông qua báo cáo kết quả SXKD và đầu tư năm 2019 và kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2020. Đồng thời, HĐQT cũng thông qua Phương án tái cơ cấu tổ chức Công ty và Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên các Công ty trong hệ thống ILS.

- Ngày 30/6/2020, HĐQT đã họp và thông qua kết quả SXKD 5 tháng đầu năm và dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2020. HĐQT cũng thông qua phương án thay đổi một số nhân sự chủ chốt trong công ty, đồng thời phê duyệt phương án thu hồi công nợ và thông qua báo cáo tình hình triển khai dự án ICD Đức Thượng.

- Ngày 23/10/2020, HĐQT đã họp và thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2020. Một số nội dung khác quan trọng trong cuộc họp này như: thông qua tờ trình sửa đổi Quy chế trả lương, Công tác thoái vốn và tình hình triển khai các dự án Quý III/2020.

- Ngoài ra, trong năm HĐQT đã tham gia các phiếu lấy ý kiến về những nội dung chính như: Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ thường niên tại các Công ty con và công ty có vốn góp; thông qua việc tái cấu trúc hoạt động SXKD và việc chuyển nhượng cổ phần tại một số công ty. HĐQT cũng thông qua một số giao dịch mua bán, thanh lý tài sản giữa công ty mẹ và các công ty con; thông qua danh sách tham gia một số gói thầu dự án của Công ty.

- Ngoài các Quyết định quan trọng đã được thông qua, HĐQT còn thường xuyên nghiên cứu và chỉ đạo việc hoạch định chiến lược kinh doanh (bao gồm cả việc tái cấu trúc) của Công ty, các Công ty con và Công ty thành viên trong hệ thống ILS nhằm xây dựng công ty và hệ thống phát triển và đi đúng định hướng.

HĐQT đã luôn quan tâm và chỉ đạo sát sao công tác đầu tư dự án, các Quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với chức năng, quyền hạn trong Điều lệ và quy định của pháp luật, đáp ứng kịp thời công tác điều hành hoạt động tại Công ty.

### **3. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

- Năm 2020 Ban TGD đã triển khai công tác điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được giao. Ngoài nhiệm vụ khai thác hiệu quả Cảng ICD Mỹ Đình, Ban TGD Công ty đã nghiên cứu và triển khai thêm các loại hình kinh doanh thương mại, tìm cơ hội mở rộng hoạt động Logistics gắn liền với các cửa khẩu và cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, phối hợp với các đơn vị trong hệ thống triển khai các hợp đồng dịch vụ nhằm tăng doanh thu.

- Để giải quyết các tồn đọng tài chính từ giai đoạn trước cổ phần, Ban TGD đã thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo tổ thu hồi công nợ đưa ra các phương án, biện pháp xử lý các khoản công nợ cũ. Công ty đã dùng nhiều biện pháp đối với một số khách hàng cố tình chây ì và không có thiện chí trả nợ. Kết quả năm 2020, Công ty đã thu hồi được 1,22 tỷ đồng công nợ và gần 4 tỷ đồng các khoản tạm ứng tồn đọng đã lâu.

- Ban TGD cũng đã quyết định và ban hành nhiều quy trình, quy định cụ thể để quản lý hiệu quả công tác kinh doanh thương mại và công tác quản trị khác.

#### 4. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng và trung thực trong báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm soát trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, đồng thời kiểm tra chi tiết các chứng từ, sổ sách kế toán và xác nhận báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các nguyên tắc tài chính, kế toán liên quan. Số liệu cụ thể như sau:

##### 4.1 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Các chỉ tiêu chính	KH 2020	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	205.000.000.000	197.117.049.848	96,1%
2	Tổng chi phí	200.000.000.000	199.650.790.157	99,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	5.000.000.000	(2.533.740.309)	-
4	Thuế TNDN			
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.000.000.000	(2.533.739.309)	-

Theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid19, tổng doanh thu của Công ty vẫn đạt 197,11 tỷ đồng = 96,1% so với kế hoạch. Tổng chi phí là 199,65 tỷ đồng = 99,8% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế lỗ 2,53 tỷ đồng.

Năm 2020 nếu xét riêng về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ thì lợi nhuận sau thuế lãi 3,66 tỷ đồng. Tuy nhiên theo quy định của Bộ Tài chính về việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư và khoản công nợ khó đòi, năm 2020 Công ty đã trích dự phòng vào KQKD trong kỳ số tiền 10,004 tỷ đồng, hoàn nhập số dự phòng đã trích năm trước số tiền 3,8 tỷ làm cho KQKD năm 2020 của Công ty mẹ lỗ 2,5 tỷ và Báo cáo hợp nhất lỗ 2,1 tỷ đồng.

##### 4.2 Cơ cấu Tài sản, nguồn vốn (Báo cáo riêng):

TT	Chỉ tiêu	Số liệu ngày 31.12.2020		Số liệu ngày 31.12.2019	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
I	Tổng tài sản	574.461.413.318	100.00%	743.995.320.514	100.00%
1	Tài sản ngắn hạn	121.446.442.683	21.14%	195.630.111.225	26.29%
	<i>Trong đó nợ phải thu</i>	<i>110.284.695.662</i>	<i>19.20%</i>	<i>134.018.045.162</i>	<i>18.01%</i>
2	Tài sản dài hạn	453.014.970.635	78.86%	548.365.209.289	73.71%
II	Tổng nguồn vốn	574.461.413.318	100.00%	743,995,320,114	100.00%
1	Nợ phải trả	251.288.383.153	43.74%	418.078.550.040	56.19%
	<i>Tr.đó nợ ngắn hạn</i>	<i>156.929.562.604</i>	<i>27.32%</i>	<i>323.850.308.354</i>	<i>43.53%</i>
2	Vốn chủ sở hữu	323.173.030.165	56.26%	325.916.770.074	43.81%
	<i>Vốn góp của CSH</i>	<i>360.000.000.000</i>	<i>62.67%</i>	<i>360.000.000.000</i>	<i>48.39%</i>
	<i>Trong đó lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>(36.826.969.835)</i>		<i>(34.083.229.526)</i>	

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 giảm 37,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các khoản phải thu ngắn hạn giảm đáng kể là do công ty đã thu hồi được các khoản tạm ứng và phải thu khác.

Tài sản dài hạn giảm 17,3% so với cùng kỳ năm trước là do giảm giá trị còn lại do khấu hao của TSCĐ và giảm các khoản đầu tư tài chính dài hạn do công ty cơ cấu lại bằng cách chuyển đổi hoặc thu hồi các khoản đầu tư.

Các khoản Nợ phải trả giảm 39,9% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do Công ty phải tập trung nguồn lực để thanh toán chi trả cho các khách hàng và các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến hạn phải trả.

Vốn chủ sở hữu giảm do ghi nhận khoản lỗ lũy kế 36,8 tỷ đồng.

### III. VIỆC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

#### 1. Công tác đầu tư dự án:

##### 1.1 Dự án ICD Mỹ Đình tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội:

Năm 2020, Công ty đã thực hiện đầu tư vào cảng Cạn ICD Mỹ Đình tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội với tổng số tiền là: 9.795.307.186 đồng. Cụ thể:

- Công tác giải phóng mặt bằng đạt giá trị: 710.000.000, đồng.
- Công tác thực hiện các gói thầu tư vấn: 576.680.000, đồng.
- Công tác thực hiện các gói thầu xây lắp với tổng giá trị: 1.295.000.000, đồng.

- Thực hiện các chi phí khác: 7.213.627.186, đồng

Lũy kế đến 31/12/2020, tổng giá trị đầu tư đã thực hiện tại dự án ICD Đức Thượng là 236,3 tỷ đồng, tổng giá trị đã giải ngân là 229,3 tỷ đồng.

Công tác triển khai đầu tư dự án ICD Mỹ Đình tại Đức Thượng đã được HĐQT, Ban TGD chỉ đạo sát sao và kịp thời. Tuy nhiên do còn vướng mắc với một số hộ dân trong công tác giải phóng mặt bằng nên Dự án chậm tiến độ so với kế hoạch đặt ra.

## **1.2 Dự án Trung tâm Logistics tại Huyện Trà Lĩnh – Tỉnh Cao Bằng**

- Dự án đã được UBND tỉnh Cao Bằng cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Cao Bằng bàn giao mốc giới; hiện Công ty đang triển khai các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Kết quả giải ngân từ đầu của Dự án đến hết 31/12/2020 là 1,95 tỷ đồng.

## **2. Công tác đầu tư, chuyển nhượng vốn:**

Năm 2020, Công ty đã thực hiện một số việc chuyển nhượng cổ phần tại các Công ty sau:

- Chuyển nhượng phần vốn góp của ILS tại Công ty cổ phần Logistic Tây Ninh (tổng số chuyển nhượng là: 10.800.000 cổ phần, thu về số tiền 108 tỷ đồng).

- Tiến hành chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Interserco Cao Bằng với tổng giá trị là: 384.000.000, đồng.

- Tiến hành chuyển nhượng phần vốn tại Công ty cổ phần hóa chất Lào Cai với tổng giá trị là: 300.000.000, đồng

- Thu hồi phần vốn góp vào Công ty CP Dịch vụ ăn uống Hà Nội số tiền 125 tr đồng sau khi đơn vị này giải thể.

- Năm 2020, Công ty được quyền nhận cổ phiếu thưởng và chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn ASG, đồng thời mua thêm 15.718 cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 282.924.000đ. Hiện tại ILS đang sở hữu 757.960 cổ phần tại công ty ASG.

## **3. Công tác thoái vốn:**

- Năm 2020, Công ty đã cung cấp hồ sơ tài liệu, phối hợp cùng Công ty cổ phần thẩm định giá IVC Việt Nam (IVC) để hoàn thành chứng thư xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2020.

- Công ty CP Chứng khoán Phố Wall đã hoàn thiện phương án chuyển nhượng vốn của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế gửi UBND Thành phố

- Hiện tại Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế đang tiếp tục làm việc với UBND thành phố Hà Nội, các Sở, Ban, Ngành để hoàn thiện việc thoái vốn theo kế hoạch.

## **4. Các công tác khác đã được thông qua tại Đại hội**

### **4.1 Lựa chọn đơn vị kiểm toán**

Sau khi được ĐHCĐ thường niên thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, Ban kiểm soát đã họp xem xét hồ sơ năng lực và đánh giá các tiêu chí của 1 số đơn vị, trong đó Công ty UHY nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận và đáp ứng các yêu cầu về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán. Do đó, BKS

thống nhất đề nghị HĐQT, Ban TGD lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty.

#### **4.2. Chi trả thù lao HĐQT và BKS**

Nghị quyết ĐHĐCĐ đã phê duyệt mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty. Năm 2020, Công ty thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng định mức đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

#### **5. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD**

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã tham gia thường xuyên các cuộc họp HĐQT, họp giao ban với các đơn vị trong hệ thống. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được gửi cho BKS đầy đủ, kịp thời. Các yêu cầu của Ban kiểm soát về việc cung cấp thông tin liên quan đến công tác quản lý, hoạt động kinh doanh đều được đáp ứng đầy đủ. BKS đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan. HĐQT và Ban TGD luôn phối hợp chặt chẽ với BKS; các bộ phận chức năng đã phối hợp, tạo điều kiện để BKS thực hiện tốt nhiệm vụ.

#### **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021**

Năm 2021, BKS tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. BKS xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2021 như sau:

1. Định kỳ 06 tháng rà soát kiểm tra công tác tài chính kế toán, xem xét báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty, kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất.
2. Lập báo cáo kiểm soát 06 tháng gửi HĐQT và Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.
3. Thực hiện việc kiểm soát theo yêu cầu của HĐQT hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Phối hợp với bộ phận kiểm soát nội bộ Công ty, Người đại diện vốn tại các đơn vị tham gia kiểm tra giám sát tình hình hoạt động SXKD tại các công ty con theo kế hoạch.
5. Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá công tác quản lý, tình hình sử dụng vốn tại công ty và các công ty có vốn góp của ILS.
6. Giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.

#### **V. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ**

Qua xem xét báo cáo và kết quả kiểm tra giám sát, BKS nhận thấy các chủ trương của HĐQT luôn tuân thủ đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. HĐQT, Ban TGD công ty luôn có trách nhiệm và sát sao trong việc điều hành các hoạt động chung. Chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện dự án được thực hiện đúng thẩm quyền theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp luật về quy trình và thủ tục đầu tư.

Năm 2020, Ban điều hành công ty đã nỗ lực và chỉ đạo nhằm thu hồi tối đa các khoản nợ đọng, tuy nhiên do một số đối tác đang lâm vào tình trạng thua lỗ nên kết quả thu hồi công nợ chưa cao. Công ty đang triển khai đầu tư dự án, nguồn vốn hạn hẹp nên việc thu hồi các khoản công nợ

là hết sức cấp thiết. Đề nghị Ban Điều hành Công ty nghiên cứu và áp dụng các hình thức thu hồi nợ để mang lại kết quả trong thời gian sớm nhất.

Đơn vị kiểm toán có ý kiến về việc trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá thời hạn từ giai đoạn doanh nghiệp nhà nước bàn giao số tiền 62,4 tỷ và xác nhận số dư 1 số khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết số tiền 19,08 tỷ đồng. Theo ghi nhận, việc chưa xác nhận hết số dư các khoản đầu tư là do một số doanh nghiệp đã tạm dừng hoạt động nhưng chưa làm thủ tục giải thể hoặc do làm ăn thua lỗ đã bỏ khỏi địa chỉ kinh doanh, Công ty đã dùng nhiều biện pháp tiếp cận nhưng chưa có kết quả. BKS kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty xem xét phương án xử lý.

Đề nghị Công ty tiếp tục đề xuất với Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá khoản nợ lãi vay 23,7 tỷ đồng đã được UBND Thành phố phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

Với kết quả hoạt động nêu trên, BKS nhận thấy HĐQT, Ban TGD Công ty đã nghiêm túc chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo đúng định hướng chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua.

ILS là Công ty đại chúng nên luôn chấp hành đầy đủ các quy định về chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, đảm bảo các hoạt động kinh doanh của công ty được báo cáo minh bạch và kịp thời, tạo sự tin tưởng cho các cổ đông.

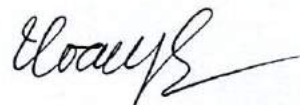
Kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát, đồng thời thông qua kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Trân trọng kính trình.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu: BKS, TK HĐQT.

**TM BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng ban**



**Ngô Thị Hoàng Yến**



Số: 01 /TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán  
và Kế hoạch năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế**

*Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần 01) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về điều chỉnh kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 03/6./2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình và tài liệu khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau đây:

### **I. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán:**

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2020 lập ngày 15/3/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (Báo cáo kiểm toán độc lập số 60/2021/UHY-BCKT ngày 15/3/2021);

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 lập ngày 07/4/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (Báo cáo kiểm toán độc lập số 271/2021/UHY- BCKT ngày 07/4/2021);

\* *Ghi chú:* Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đăng tải trên trang web: [www.ils.com.vn](http://www.ils.com.vn).





## II. Kế hoạch năm 2021:

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu	
			Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Đồng	182.396.871.820	391.459.329.139
2	Tổng chi phí	Đồng	180.992.310.819	381.033.332.745
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.404.561.001	10.425.996.394
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.404.561.001	8.680.063.113

\* *Ghi chú:*

- Lợi nhuận trước thuế trên đây là lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, không bao gồm trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính để thể hiện đúng bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh đơn vị đạt được trong kỳ.

- Trên BCTC riêng còn lỗ lũy kế nên không chịu thuế TNDN.

### 2. Kế hoạch đầu tư:

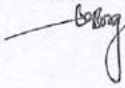
Stt	Danh mục	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư tài chính	112.500.000.000
2	Đầu tư dự án	250.000.000.000
3	Dự phòng	5.000.000.000
	<b>Tổng cộng (1+2+3)</b>	<b>367.500.000.000</b>

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

*Nơi nhận:*

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phùng Tiến Toàn**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần 01) của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được ĐHCĐ thông qua ngày 27/4/2018;

Căn cứ Văn bản số 1328/UBCK-PTTT ngày 05/3/2020 của UBCK về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của ILS;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về điều chỉnh kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình và tài liệu khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

Để phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

**I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH THAY ĐỔI**

**1. Bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh theo định hướng, chiến lược phát triển của Công ty**

**1.1. Bổ sung ngành nghề:**

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không bao gồm kim loại quý, đá quý)	4663
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

	(không bao gồm lúa gạo, thuốc lá và xì gà)	
3	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không bao gồm lúa gạo)	4631
4	Bán buôn thực phẩm (không bao gồm đường mía, đường củ cải)	4632

### 1.2. Sửa đổi chi tiết ngành nghề:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón; bán buôn hoá chất khác (trừ hoá chất Nhà nước cấm).	4669

## 2. Sửa đổi chi tiết và rút bỏ ngành nghề theo yêu cầu của UBCK để tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty lên 49% vốn điều lệ

### 2.1. Sửa đổi chi tiết ngành nghề:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Lưu ý
1	Bán buôn tổng hợp (loại nhà nước cho phép) (không bao gồm bán buôn tổng hợp với lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ).	4690	Đây là những mã ngành bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0% vì có bao hàm các mặt hàng: lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ
2	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài; không bao gồm đại lý, môi giới hàng hóa là lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ)	4610	
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm, sách, báo và tạp chí, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu)	4649	
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659	

			phẩm, thuốc nổ.
--	--	--	--------------------

### 2.2. Rút bỏ ngành nghề:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh rút bỏ	Mã ngành	Lưu ý
1	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	Đây là những mã ngành bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0% vì có bao hàm các mặt hàng: vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu.
2	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
3	In ấn	1811	

3. Cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam (thay thế Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg)

### 3.1. Rút bỏ ngành nghề:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được rút bỏ	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại	4100
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Giáo dục nghề nghiệp	8532

### 3.2. Sửa đổi ngành nghề:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi	Mã ngành	Lưu ý
1	Sản xuất giày, dép	1520	
2	Lắp đặt hệ thống, cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
3	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512	
4	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài; không bao gồm đại lý, môi giới hàng hóa là lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ)	4610	Đã đề cập sửa đổi tại mục 2.1

### 3.3. Bổ sung ngành nghề mới sau khi rút bỏ ngành nghề cũ:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Xây dựng nhà để ở	4101
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
6	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
7	Xây dựng công trình điện	4221
8	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9	Xây dựng công trình thủy	4291
10	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13	Đào tạo sơ cấp	8531
14	Đào tạo trung cấp	8532
15	Đào tạo cao đẳng	8533

## II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH SAU KHI THAY ĐỔI

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh; - Kinh doanh bán hàng miễn thuế; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (LOẠI NHÀ NƯỚC CHO PHÉP)	8299	
2	Sản xuất giày, dép	1520	
3	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622	
4	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620	
5	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610	
6	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629	
7	Dịch vụ liên quan đến in	1812	
8	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	
9	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640	
10	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702	
11	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621	
12	Xây dựng nhà để ở	4101	
13	Xây dựng nhà không để ở	4102	

14	Phá dỡ	4311	
15	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
17	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
18	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
19	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
20	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
21	Xây dựng công trình điện	4221	
22	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
23	Xây dựng công trình thủy	4291	
24	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
25	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
26	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
27	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
28	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511	
29	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513	
30	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530	
31	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541	
32	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542	
33	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543	
34	Bán buôn tổng hợp (loại nhà nước cho phép) (không bao gồm bán buôn tổng hợp với lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ).	4690	
35	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
36	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510	
37	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5629	
38	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630	
39	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312	
40	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	

41	Lắp đặt hệ thống, cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
42	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
43	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
44	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512	
45	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	
46	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài; không bao gồm đại lý, môi giới hàng hóa là lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ)	4610	
47	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm, sách, báo và tạp chí, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu)	4649	
48	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653	
49	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659	
50	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón; bán buôn hoá chất khác (trừ hoá chất Nhà nước cấm).	4669	
51	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610	
52	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm (không bao gồm môi giới bảo hiểm)	6622	
53	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản (không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820	

	(doanh nghiệp chỉ hoạt động theo chứng chỉ đầu giá của người đại diện theo pháp luật)		
54	Đại lý du lịch	7911	
55	Đào tạo sơ cấp	8531	
56	Đào tạo trung cấp	8532	
57	Đào tạo cao đẳng	8533	
58	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)	9610	
59	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110	
60	Quảng cáo (loại nhà nước cho phép)	7310	
61	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721	
62	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm hoạt động Trung tâm giới thiệu việc làm) (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)	7810	
63	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230	
64	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)	0899	
65	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức	4932	
66	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không bao gồm kim loại quý, đá quý)	4663	
67	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm lúa gạo, thuốc lá và xì gà)	4620	
68	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không bao gồm lúa gạo)	4631	
69	Bán buôn thực phẩm (không bao gồm đường mía, đường củ cải)	4632	
70	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistics	5229 (Chính)	



71	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	
----	---	--	--

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phùng Tiên Toàn**



## TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021.

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về điều chỉnh kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình và tài liệu khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở rà soát các nội dung của Điều lệ để phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty với các Điều khoản cơ bản nêu tại văn bản đính kèm.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phùng Tiến Toàn



**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**  
(Kèm theo Tờ trình số: 02/TTr-ILS ngày 03 tháng 6 năm 2021  
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế)

STT	Điểm/Khoản/Điều	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do sửa đổi/ bổ sung
1	Điểm c khoản 1 Điều 1 (Giải thích từ ngữ)	"Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp <u>ngày 26 tháng 11 năm 2014.</u>	"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp <u>số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.</u>	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020
2	Điểm d khoản 1 Điều 1 (Giải thích từ ngữ)	"Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán <u>ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</u>	"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán <u>số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.</u>	Phù hợp với Luật Chứng khoán năm 2019.
3	Điểm g khoản 1 Điều 1 (Giải thích từ ngữ)	"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</u>	"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u>	Phù hợp với khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020: "4. Giải thích từ ngữ: ..... 23. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: ....." và khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán năm 2019: "4. Giải thích từ ngữ: ..... 46. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: ....."

4	Điểm h khoản 1 Điều 1 (Giải thích từ ngữ)	"Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.	<b>Bỏ</b>	Trong toàn bộ Điều lệ không nhắc đến khái niệm này.
5	Điểm i khoản 1 Điều 1 (Giải thích từ ngữ)	"Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này <b><u>và thời gian gia hạn được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết</u></b>	"Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này	Phù hợp với thời hạn hoạt động của Công ty (vi hoạt động vô thời hạn nên không có việc gia hạn)
6	Điểm k khoản 1 Điều 1 (Giải thích từ ngữ)	"Các đơn vị trực thuộc Công ty" là Văn phòng đại diện, Chi nhánh, Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, các phòng/ban trực thuộc Công ty.	<b>Bỏ</b>	Trong toàn bộ Điều lệ không nhắc đến khái niệm này
7	Điểm e khoản 3 Điều 2 (Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty)	Website: <b><u><a href="http://www.interserco.com.vn">http://www.interserco.com.vn</a></u></b> ; <b><u><a href="http://www.interserco.vn">http://www.interserco.vn</a></u></b> ; <a href="http://www.ils.com.vn">http://www.ils.com.vn</a>	Website: <a href="http://www.ils.com.vn">http://www.ils.com.vn</a>	Website " <b><u><a href="http://www.interserco.vn">http://www.interserco.vn</a></u></b> " hiện tại không còn tồn tại.
8	Khoản 2 Điều 3 (Người đại diện theo pháp luật của Công ty)	Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, <b><u>đại diện Công ty với tư cách người có yêu cầu giải quyết việc dân sự</u></b> , nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, <b><u>cụ thể như sau:</u></b> <b><u>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty có quyền và nghĩa vụ như sau:</u></b> <b><u>- Đàm phán, ký các văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác ngoại giao, hành chính với các khách hàng, đối tác nước ngoài; với</u></b>	Để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020: " <i>Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nếu công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo</i>

			<p><u>các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Sở, Cục, Vụ, Viên trở lên;</u></p> <p><u>- Đàm phán, ký kết hợp đồng thuộc đối tượng phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định.</u></p> <p><u>- Thông báo mở, đóng tài khoản giao dịch với Ngân hàng; ký các tài liệu, chứng từ để thực hiện giao dịch lưu chuyển tiền tệ của hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư.</u></p> <p><u>- Ký Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.</u></p> <p><u>b. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p><u>- Đại diện Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.</u></p> <p><u>- Các quyền và nghĩa vụ khác của người đại diện theo pháp luật trừ trường hợp quy định cụ thể của người đại diện theo pháp luật thứ nhất.</u></p>	<p><i>pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.”.</i></p>
9	Điểm a khoản 1 Điều 4 (Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh)	Ngành nghề kinh doanh	Chi tiết theo nội dung Tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty	Phù hợp với việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty
10	Điểm b khoản 1 Điều 4 (Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh)	Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc sửa đổi bổ sung các ngành nghề kinh doanh và <u>đăng ký mã ngành</u> theo quy định của Pháp luật.	Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc sửa đổi bổ sung các ngành nghề kinh doanh <u>theo quy định của Pháp luật.</u>	Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh (không phải đăng ký ngành nghề như quy định cũ)
11	Điều 5 (Phạm vi kinh doanh)	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo ngành nghề của Công ty</u>	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực</u>	Để linh hoạt, chủ động trong hoạt động kinh doanh và phù hợp với quy định hiện hành.

	và hoạt động của Công ty)	<p><u>đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u></p> <p><u>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p>	<p><u>hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u></p>	
12	Khoản 1 Điều 6 (Vốn điều lệ, cổ phần, quản lý vốn nhà nước)	<p>Trong đó: Cổ phần Nhà nước là: 16.200.000 cổ phần, tương đương 162.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai tỷ đồng), chiếm 45% vốn điều lệ; <u>Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty bao gồm:</u> <u>+ Ông Phùng Tiến Toàn, đại diện quản lý 5.400.000 cổ phần nhà nước, tương ứng 54.000.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ; là Người đại diện phụ trách chung quản lý vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;</u> <u>+ Ông Lê Vĩnh Phúc đại diện quản lý 4.320.000 cổ phần nhà nước, tương ứng 43.200.000.000 đồng, chiếm 12% vốn điều lệ.</u> <u>+ Bà Phùng Thúy Hoa đại diện quản lý 4.680.000 cổ phần nhà nước, tương ứng 46.800.000.000 đồng, chiếm 13% vốn điều lệ.</u></p>	<p>Trong đó: Cổ phần Nhà nước là: 16.200.000 cổ phần, tương đương 162.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai tỷ đồng), chiếm 45% vốn điều lệ. <u>Cổ phần của các cổ đông khác là: 19.800.000 cổ phần, tương đương 198.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ đồng), chiếm 55% vốn điều lệ.</u></p>	<p>Người đại diện phần vốn nhà nước đã được thay đổi theo Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.</p>

		<p>+ Bà Ngô Thị Hoàng Yến đại diện quản lý 1.800.000 cổ phần nhà nước, tương ứng 18.000.000.000 đồng, chiếm 5% vốn điều lệ.</p> <p>Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không: 9.720.000 cổ phần, tương đương 97.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ hai trăm triệu đồng), chiếm 27% vốn điều lệ.</p> <p>Cổ phần của các nhà đầu tư khác: 10.080.000 cổ phần, tương đương 100.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ tám trăm triệu đồng), chiếm 28% vốn điều lệ.</p>		
13	Khoản 2, 4 Điều 7 (Chứng nhận cổ phiếu)	<p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <b><u>khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</u></b></p> <p>.....</p> <p>4. Trường hợp <b><u>chứng nhân</u></b> cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp <b><u>chứng nhân</u></b> cổ phiếu mới với điều <b><u>kiên phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty. Cổ đông đề nghị cấp chứng chỉ cổ phần mới phải cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật và công ty về những tranh</u></b></p>	<p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <b><u>khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</u></b></p> <p>.....</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị đề được cấp cổ phiếu mới. <b><u>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u></b></p> <p>- Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>- Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Phù hợp với khoản 1, 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020:</p> <p><i>“1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty có phân phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ</p>

		<p><u>chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u></p>		<p>chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>e) Số đăng ký tại số đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p> <p>.....</p> <p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới."</p>
14	Điều 10 (Thu hồi cổ phần)	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông</p>	<p><u>Bổ</u></p>	<p>Chỉ áp dụng đối với trường hợp thành lập doanh nghiệp. Đối với trường hợp tăng vốn Điều lệ, cổ đông phải thanh toán đủ và đúng hạn thì mới được sở hữu cổ phần nên sẽ không có trường hợp thu hồi lại.</p>



báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi phát sinh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đối với khách hàng doanh nghiệp vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai

		sốt hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.		
15	Bổ sung Điều 10 (Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông)		<p>1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do Hội đồng quản trị quyết định trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>Theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 24, Điều 132 Luật Doanh nghiệp năm 2020:</p> <p><b>“Điều 24. Điều lệ công ty</b></p> <p>.....</p> <p>2. Điều lệ công ty bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>k) Trường hợp thành viên, cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần đối với công ty cổ phần;</p> <p>.....”;</p> <p><b>“Điều 132. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá</p>

				<p>được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.”</p>
16	Điểm a, c khoản 2 Điều 12 (Quyền của cổ đông)	Tự do chuyển nhượng cổ phần <b><u>đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành</u></b> của mình cho người khác, <b><u>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp;</u></b>	Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, <b><u>trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;</u></b>	<p>Chỉ khi cổ đông thanh toán đầy đủ mới được sở hữu cổ phần.</p> <p>Tránh bỏ sót trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng ngoài quy định của Luật Doanh nghiệp do Công ty hiện có cổ phần của người lao động bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật khi Công ty thực hiện cổ phần hóa.</p>
17	Điểm d khoản 2 Điều 12 (Quyền của cổ đông)	Ưu tiên mua <b><u>cổ phiếu</u></b> mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	Ưu tiên mua <b><u>cổ phần</u></b> mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	<p>Phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 115 Luật DN 2020:</p> <p>“1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty”.</p>
18	Điểm e khoản 2 Điều 12 (Quyền của cổ đông)	Xem xét, tra cứu và trích lục các <b><u>thông tin liên quan đến cổ đông</u></b> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <b><u>về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết</u></b> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác <b><u>của mình.</u></b>	<p>Phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020:</p> <p>“1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:</p> <p>.....</p> <p>đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách</p>

				<i>cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;"</i>
19	Điểm f khoản 2 Điều 12 (Quyền của cổ đông)	Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	<u>Bỏ</u>	Nội dung bị trùng với điểm e khoản 2 Điều này
20	Điểm i khoản 2 Điều 12 (Quyền của cổ đông)	Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b><u>Điều 129 Luật doanh nghiệp.</u></b>	Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b><u>Điều 10 Điều lệ này</u></b>	Phù hợp với Điều 10 Điều lệ đã được bổ sung
21	Khoản 3 Điều 12 (Quyền của cổ đông)	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên <b><u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u></b> có các quyền sau: <b><u>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định trong ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</u></b> <b><u>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</u></b> <b><u>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></b> <b><u>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu</u></b>	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: <b><u>a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;</u></b> <b><u>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u></b> <b><u>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá</u></b>	Lược bớt nội dung trùng lặp và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020:  <i>"2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:</i>  <i>a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</i>  <i>b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</i>  <i>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và</i>

		<p><b><u>hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u></b></p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p><b><u>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u></b></p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p><i>phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</i></p> <p><i>d) Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty."</i></p> <p><i>Và khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020:</i></p> <p><i>"Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp."</i></p>
22	Điều 12 (Quyền của cổ đông)		<p><b><u>Bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:</u></b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p><i>"Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm</i></p>

			<p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 39 Điều lệ này.</p>	<p><i>soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</i></p> <p><i>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.”</i></p> <p>Phù hợp với quy định tại Điều 25 và Điều 39 Điều lệ sửa đổi.</p>
23	Khoản 4 Điều 13 (Nghĩa vụ của cổ đông)	Cung cấp <u>địa chỉ</u> chính xác khi đăng ký mua cổ phần	Cung cấp <u>thông tin</u> chính xác về <u>tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức</u> khi đăng ký mua cổ phần.	Phù hợp với thực tế (ngoài địa chỉ thì còn có các thông tin cá nhân khác)
24	Điều 13 (Nghĩa vụ của cổ đông)		<u>Bổ sung khoản 7 Điều 13 như sau:</u> 7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ của Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi	Phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

			thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	<i>nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác."</i>
25	Khoản 1 Điều 14 (Đại hội đồng cổ đông)	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b><u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u></b> <b><u>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</u></b> <b><u>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></b> <b><u>c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; báo cáo tự đánh giá kết quả của Ban kiểm soát và kiểm soát viên;</u></b> <b><u>d. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></b> <b><u>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></b> <b><u>f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></b>	Phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2020: <i>"2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>  <i>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</i> <i>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</i> <i>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</i> <i>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i> <i>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</i> <i>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</i>

				<p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.”</p>
26	Khoản 2 Điều 14 (Đại hội đồng cổ đông)	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty <u>sẽ mời</u> đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</u> , Công ty <u>phải mời</u> đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán:</p> <p>“4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.”</p>



27	Khoản 3 Điều 14 (Đại hội đồng cổ đông)	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p><b>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</b></p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p><b>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý</b></p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. <b>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</b></p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p><i>"1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</i></p> <p><i>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này;</i></p> <p><i>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty."</i></p>
----	--	--	--	---

		<b><u>đình hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></b> e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
28	Điểm c khoản 4 Điều 14 (Đại hội đồng cổ đông)	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì <b><u>trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo</u></b> , cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền <b><u>thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u></b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><u>khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</u></b>	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền <b><u>đại diện Công ty</u></b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của <b><u>Luật Doanh nghiệp.</u></b>	Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp năm 2020: “4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.”
29	Điều 15 (Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông)	<b><u>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></b> <b><u>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u></b> <b><u>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</u></b> <b><u>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</u></b> <b><u>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</u></b> <b><u>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</u></b> 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. <b><u>Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề</u></b>	<b><u>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></b> 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Thông qua định hướng phát triển của công ty; b. Thông qua báo cáo tài chính năm; c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó; d. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;	Bỏ các nội dung trùng lặp và phù hợp với khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển của công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

	<p><b><u>ngghi sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></b></p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p>	<p>g. Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>n. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>o. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>đ) <i>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</i></p> <p>e) <i>Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</i></p> <p>g) <i>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</i></p> <p>h) <i>Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</i></p> <p>i) <i>Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</i></p> <p>k) <i>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p>l) <i>Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p>m) <i>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p>n) <i>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty."</i></p>
--	---	---	---

		<p>n. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác hoặc ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
30	Khoản 2 Điều 16 (Đại diện ủy quyền)	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <b><u>theo mẫu của Công ty</u></b> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <b><u>theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền</u></b> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020: <i>"Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp."</i>
31	Khoản 1 Điều 17 (Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông)	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b><u>điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</u></b>	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b><u>khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</u></b>	Sửa lại nội dung chính xác, phù hợp với Điều lệ.
32	Điểm a khoản 2 Điều 17 (Triệu tập họp,	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020:

	<p>chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông)</p>	<p>quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <b>năm (05) ngày</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>đồng được lập không sớm hơn <b>10 (mười) ngày</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <b>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</b></p>	<p><i>“1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.”</i>  và khoản 1 Điều 273 NB 155/2020/NĐ-CP:  <i>“1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.”</i></p>
33	<p>Khoản 3 Điều 17 (Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông)</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước và/hoặc Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm <b>đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</b>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán <b>nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch</b> theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp năm 2020:  <i>“1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở</i></p>

		<p>cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>mười lăm (15) ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p><b><u>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u></b></p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>21 (hai mươi một) ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.”</p> <p>và khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020:</p> <p><i>“2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.”</i></p>
34	Khoản 4 Điều 17 (Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông)	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <b><u>Kiến nghị phải bao gồm tên cổ đông,</u></b></p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p><i>“2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được</i></p>

		đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	<u>số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u>	<i>gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp."</i>
35	Điểm b khoản 5 Điều 17 (Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông)	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời gian liên tục ít nhất sau (06) tháng</u> theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.	Phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 12 Điều lệ sửa đổi.
36	Khoản 1 Điều 18 (Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông)	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% (năm mươi phần trăm)</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020: <i>"1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định."</i>
37	Khoản 4 Điều 18 (Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông)	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <u>139 của Luật doanh nghiệp.</u>	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <u>Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.</u>	Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

38	Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 19 (Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, <b><u>số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau</u></b>, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay <b><u>phản đối</u></b> để quyết định. <b><u>Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u></b> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, <b><u>số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau</u></b>, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay <b><u>không tán thành</u></b> để quyết định. <b><u>Kết quả kiểm phiếu theo từng vấn đề được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc họp.</u></b> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p><b><u>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</u></b></p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <b><u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác</u></b> làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2, 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 và tình hình thực tế của Công ty:</p> <p><i>“Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:</i></p> <p>.....</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>.....</p>
----	---	--	---	--



		<p>dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát <b>điều hành</b> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>điều khiển</b> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát <b>điều hành</b> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>điều hành</b> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><b>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</b></p>	<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>.....”</p>
39	Khoản 7 Điều 19 (Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 <b>Điều 142</b> Luật doanh nghiệp.	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 <b>Điều 146</b> Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020
40	Điều 19 (Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)		<b>Bổ sung khoản 10 Điều 19 như sau:</b> Trường hợp Công ty tổ chức họp ĐHCĐ trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật.	Phù hợp với nhu cầu thực tế và tham khảo hướng dẫn tại khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn quản trị công ty đại chúng: “Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công

				<p>ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”</p>
41	Bổ sung Điều 20 (Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông)		<p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.  2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:  a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;  b. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	<p>Đảm bảo một số nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề như thay đổi ngành nghề kinh doanh, các nội dung không quan trọng khác ... có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>
42	Điều 20 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông)	<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>  1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:  a. Thông qua báo cáo tài chính năm;  b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;  c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm</p>	<p><b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp</b>  1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:  a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;  b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;  c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;  d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;  e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	<p>Cơ cấu lại điều khoản hợp lý và phù hợp quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020:  “1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:  a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;  b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p>

	<p>soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>2. Nghị quyết về các nội dung không thuộc quy định tại khoản 1, 3 Điều này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p><i>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</i></p> <p><i>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</i></p> <p><i>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</i></p> <p><i>e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</i></p> <p><i>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</i></p> <p><i>3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho</i></p>
--	--	---	--

				<p>thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>....”</p>
43	<p>Khoản 1, 2, 3 Điều 21 (Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông)</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất <b>mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhân phiếu lấy ý kiến</b>. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 <b>Điều 18</b> Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này</b>.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất <b>10 (mười) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</b>. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 <b>Điều 17</b> Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p>“<i>Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</i></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật này;</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý</p>

		<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. <u>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</u> số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>	<p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. <u>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</u> số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị .</p>	<p><i>kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật này;</i></p> <p>3. <i>Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p>a) <i>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i></p> <p>b) <i>Mục đích lấy ý kiến;</i></p> <p>c) <i>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</i></p> <p>d) <i>Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</i></p> <p>đ) <i>Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</i></p> <p>e) <i>Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</i></p> <p>g) <i>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;”</i></p>
44	Khoản 6 Điều 21 (Thẩm	Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020:

<p>quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông)</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;  c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.  d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.  e. Các quyết định đã được thông qua;  f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <b><u>người đại diện theo pháp luật</u></b> và của người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;  c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.  d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.  e. Các quyết định đã được thông qua và <b><u>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u></b>.  f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <b><u>người kiểm phiếu</u></b> và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p><i>“5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p><i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</i></p> <p><i>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</i></p> <p><i>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</i></p> <p><i>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i></p> <p><i>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</i></p> <p><i>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định</i></p>
--	---	--	---

				<i>được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác”.</i>
45	Khoản 7 Điều 21 (Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông)	7. Biên bản <b><u>kết quả</u></b> kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	7. Biên bản kiểm phiếu <b><u>và nghị quyết</u></b> phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	Phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020: <i>“Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty”.</i>
46	Khoản 9 Điều 21 (Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông)	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b><u>ít nhất năm một phần trăm (51%)</u></b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện <b><u>trên 50% (năm mươi phần trăm)</u></b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020: <i>“Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định”.</i>
47	Khoản 1 Điều 22 (Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông)	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng <b><u>tiếng Anh</u></b> và có các nội dung chủ yếu sau đây: ..... i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và <b><u>tiếng Anh</u></b> đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và <b><u>tiếng Anh</u></b> thì	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng <b><u>tiếng nước ngoài</u></b> và có các nội dung chủ yếu sau đây: ..... i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <b><u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy</u></b>	Phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020: <i>“1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: ..... i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i>

		<p>nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p><b><u>định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></b>          Biên bản được lập bằng tiếng Việt và <b><u>tiếng nước ngoài</u></b> đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và <b><u>tiếng nước ngoài</u></b> thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p><i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p> <p>.....</p> <p><i>4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</i></p> <p>.....”</p>
48	<p>Khoản 3 Điều 22 (Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông)</p>	<p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  <b><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời gian mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></b>          Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <b><u>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</u></b> phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.          Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và <b><u>các tài liệu đính kèm biên bản, tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</u></b></p>	<p>Phù hợp với quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định tại khoản 5, 6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p><i>“5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</i></p> <p><i>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.”</i></p>





49	Khoản 4 Điều 22 (Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông)	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	Bỏ	Bỏ quy định không phù hợp.
50	Điều 23 (Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông)	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <b>biên bản họp</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <b>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông</b> hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p><b><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày theo trình tự, thủ tục quy</u></b></p>	<p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được <b>ng nghị quyết hoặc biên bản họp</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p><i>“Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;</i></p> <p><i>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.”</i></p>

		<b><u>định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></b>		
51	Khoản 1, 2 Điều 24 (Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị)	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. <b><u>Trình độ học vấn;</u></b></p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. <b><u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u></b></p> <p>f. <b><u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u></b></p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty;</p> <p><b><u>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u></b></p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ chuyên môn;</p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p>d. <b><u>Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</u></b></p> <p>e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>f. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b><u>10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn</u></b></p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 274 NBĐ 155/2020/NBĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và nhu cầu quản trị của Công ty:</p> <p><i>“1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</i></p> <p><i>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</i></p> <p><i>b) Trình độ chuyên môn;</i></p> <p><i>c) Quá trình công tác;</i></p> <p><i>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</i></p> <p><i>đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;</i></p>

		<p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</b> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>(5%) đến dưới (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ (10%) đến dưới (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ (30%) đến dưới (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ (40%) đến dưới (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ (50%) đến dưới (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ (60%) đến dưới (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ (70%) đến (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ (80%) đến dưới (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</b></p>	<p><b>mười phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; và từ 80% (tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (chín mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên.</b></p>	<p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.”</p>
52	Khoản 4 Điều 25 (Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị)	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong <b><u>các trường hợp sau:</u></b></p> <p><b><u>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u></b></p> <p><b><u>b. Có đơn từ chức;</u></b></p> <p><b><u>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></b></p>	<b>Bỏ</b>	Đã được quy định tại Điều 33 Điều lệ.

		<p><u>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p><u>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>		
53	Khoản 1 Điều 26 (Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị)	<p>1. <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự</u>, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <u>Điều 18</u> của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>1. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <u>Điều 17</u> Luật doanh nghiệp.</p>	<p><i>“Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định” là đã bao gồm điều kiện phải có đủ năng lực hành vi dân sự =&gt; Phù hợp với khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp:</i></p> <p><i>“2. Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:</i></p> <p><i>a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;</i></p> <p><i>b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;</i></p> <p><i>c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ</i></p>

			<p>người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;</p> <p>d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;</p> <p>đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;</p> <p>e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.</p> <p>Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;</p> <p>g) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.”</p>
--	--	--	---

54	Khoản 2 Điều 26 (Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị)	Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm; <u>có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.</u>	Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm <u>trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của công ty.</u>	Phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020:  <i>"1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ."</i>
55	Khoản 5 Điều 26 (Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị)	Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty	<u>Bỏ</u>	Bị trùng với khoản 2 Điều này

56	Khoản 6 Điều 26 (Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị)	Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật	<u>Bỏ</u>	Bị trùng với phạm vi khoản 1 Điều này
57	Điểm c khoản 2 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;	<u>Bỏ</u>	Bi trùng với điểm i khoản 2 Điều này
58	Điểm d khoản 2 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	Giám sát, chỉ đạo <u>Tổng giám đốc và người điều hành khác</u>	Giám sát, chỉ đạo <u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;</u>	Phù hợp với quy định tại điểm k khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020: “2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: ..... k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; .....”
59	Điểm f khoản 2 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác	Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, <u>ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty,</u> việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Phù hợp với quy định tại điểm l khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020: “2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: ..... l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

60	Điểm h khoản 2 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	<p>h. Quyết định <u>giao dịch</u> đầu tư, bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác <u>có giá trị đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán; <u>quyết định việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán.</u></p>	<p>f. Quyết định đầu tư, bán tài sản <u>có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm) tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán;</p> <p>g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ <u>35% (ba mươi lăm phần trăm)</u> tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; <u>chấp thuận các hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>.....”</p> <p>Phù hợp với quy định tại điểm h khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020:</p> <p><i>“2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</i></p> <p><i>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</i></p> <p><i>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i></p> <p><i>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</i></p> <p><i>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;</i></p> <p><i>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</i></p> <p><i>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ</i></p>
----	--	---	---	--



				<p>đồng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;</p> <p>.....”</p> <p>Và Khoản 2 Điều 167 Luật DN 2020:</p> <p>“2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.”</p>
61	Điểm g khoản 2 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;	Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; <b><u>yêu cầu phá sản Công ty;</u></b>	<p>Phù hợp với quy định tại điểm p khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020:</p> <p>“2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>.....”</p>

				p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty; ....."
62	Điểm j khoản 2 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;	Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức <b><u>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh</u></b>	Phù hợp với quy định điểm o khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020:  2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: ..... o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; ....."
63	Điểm m khoản 2 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu <b><u>trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền</u></b>	Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu	Phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020:  "2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: ..... d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty; ....."
64	Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)		<b><u>Bổ sung điểm q, r, t khoản 2 Điều 27 như sau:</u></b> p. Việc mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng; q. Quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty; r. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.	Phù hợp với quy định khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020:  "2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

				<p>d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;</p> <p>.....”</p> <p>Khoản 1,2 Điều 133 quy định:</p> <p>“Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường”.</p>
65	Khoản 3 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty; b. Thành lập các công ty con của công ty; c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ	<u>Bổ</u>	Các nội dung đã được quy định tại khoản 2 Điều này

trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc ngân sách vượt quá một (01) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch hoặc ngân sách kinh doanh hàng năm; các khoản đầu tư và ngân sách này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần

		<p>của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>		
66	Khoản 4 Điều 27 (Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)	<p>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với <b><u>Tổng giám đốc và người điều hành khác</u></b> trong năm tài chính. <b><u>Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</u></b></p>	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với <b><u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u></b> trong năm tài chính.	Bỏ quy định không phù hợp
67	Khoản 2 Điều 28 (Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị)	<p>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, <b><u>công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp</u></b> phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.	Bỏ quy định không phù hợp
68	Điểm e khoản 2 Điều 29 (Chức vụ Hội đồng quản trị)	<p>Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, <b><u>cuộc họp Hội đồng quản trị</u></b></p>	Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông	Bỏ nội dung đã được đề cập tại điểm b khoản 2 Điều này

69	Điểm f khoản 2 Điều 29 (Chủ tịch Hội đồng quản trị)	Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật	Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật <b>và Điều lệ công ty.</b>	Bổ sung nội dung phù hợp
70	Khoản 3 Điều 29 (Chủ tịch Hội đồng quản trị)	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị <b><u>không còn khả năng làm việc được</u></b> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị <b><u>bi chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</u></b> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số	Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật DN 2020: <i>“Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.”</i>
71	Điểm c khoản 4 Điều 30 (Cuộc họp của	Theo đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên <b><u>điều hành</u></b> của Hội đồng quản trị	Theo đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị	Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020:

	Hội đồng quản trị)			<p>"3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định."</p>
72	Khoản 5 Điều 30 (Cuộc họp của Hội đồng quản trị)	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế <b>Chủ tịch</b> Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Bổ sung nội dung phù hợp
73	Khoản 15 Điều 30 (Cuộc họp của Hội đồng quản trị)	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng <b>tiếng Anh</b> . Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng <b>tiếng nước ngoài</b> . Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p>"1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>....."</p>

74	Khoản 2 Điều 31 (Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị)	Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, <b>quy chế nội bộ về quản trị công ty.</b>	Phù hợp với quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
75	Khoản 1 Điều 33 (Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị)	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>c. Có đơn xin từ chức.</p> <p>d. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam.</p> <p>e. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>f. Công ty bị phá sản, giải thể.</p> <p>g. Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>h. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>i. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p><i>“1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;</i></p> <p><i>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</i></p> <p><i>c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></p> <p><i>b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</i></p>



		j. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.		<p>ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất."</p>
76	Khoản 5 Điều 33 (Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị)	Trường hợp thành viên HĐQT không còn được cổ đông là tổ chức ủy quyền làm người đại diện quản lý vốn cho cổ đông tổ chức đó nữa thì cấp có thẩm quyền phải làm thủ tục miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT, đồng thời bầu bổ sung thành viên HĐQT mới (nếu cần)	<u>Bỏ</u>	Phù hợp với khoản 1 Điều này và tình hình thực tế.
77	Khoản 1 Điều 36 (Bỏ nhiệm, miễn nhiệm và	Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; <u>ký</u>	Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; <u>đồng thời quyết định</u> tiền	Phù hợp với khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020:

	nhiệm kỳ Tổng giám đốc)	<u>hợp đồng trong đó quy định thù lao</u> , tiền lương và lợi ích khác. <u>Thù lao</u> , tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	"1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh".
78	Khoản 2 Điều 36 (Bổ nhiệm, miễn nhiệm và nhiệm kỳ Tổng giám đốc)	Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.	Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và <u>quy định của Công ty</u> .	Phù hợp với các tiêu chuẩn khác được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quyết định của HĐQT (nếu có)
79	Khoản 1 Điều 37 (Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc)	Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh <u>hàng ngày</u> của công ty <u>theo những thông lệ quản lý tốt nhất</u> .	Quyết định các vấn đề <u>liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày</u> mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành <u>hoạt động kinh doanh của Công ty</u> .	Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020:  "3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:  a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;  ....."
80	Khoản 6 Điều 37 (Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc)	<u>Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn</u> kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm <u>chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm</u> .	<u>Xây dựng</u> kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, <u>báo cáo Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua làm cơ sở thực hiện</u> ;	Phù hợp với thẩm quyền của HĐQT, ĐHĐCĐ và tình hình thực tế

81	Khoản 6 Điều 38 (Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên)	Ban kiểm soát có thể <b><u>ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát</u></b> và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	Ban kiểm soát <b><u>xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua</u></b> . Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. <b><u>Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</u></b>	Phù hợp thẩm quyền của ĐHCĐ và khoản 1 Điều 289 NB 155/2020/NĐ-CP: <i>"1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát."</i>
82	Khoản 1 Điều 39 (Kiểm soát viên)	1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b><u>khoản 1 Điều 164</u></b> Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:	1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b><u>Điều 169</u></b> Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:	Phù hợp với Điều 169 (Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên) Luật Doanh nghiệp 2020
83	Khoản 2 Điều 39 (Kiểm soát viên)	Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; <b><u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></b> c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều này; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020: <i>"1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật này; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định."</i>
84	Khoản 3 Điều 39 (Ban kiểm soát)	Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:	Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:	Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 174 Luật DN 2020:

		<p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p><b><u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></b></p> <p>c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>“2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.”</p>
85	Khoản 1 Điều 40 (Ban kiểm soát)	<p>1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên.</p> <p>a) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm.</p> <p>b) Các kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>c) Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông <b><u>bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín. Người trúng cử vào Ban kiểm soát phải thu được số phiếu quá bán tính theo tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (trường hợp những người cuối cùng có số phiếu ngang nhau, thì tổ chức bầu lại đối với những người có số phiếu ngang nhau đó để chọn người có số phiếu cao hơn).</u></b></p>	<p>1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên.</p> <p>a) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm.</p> <p>b) Các kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>c) Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông <b><u>bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u></b></p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật DN 2020:</p> <p>“3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p>

				<p>Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.”</p>
86	Khoản 2 Điều 40 (Ban kiểm soát)	<p>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát <b><u>phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u></b> Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến đề báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát <b><u>phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và không thuộc một trong các trường hợp sau:</u></b></p> <p><b><u>- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</u></b></p> <p><b><u>- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</u></b></p> <p>Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến đề báo cáo Ban kiểm soát;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 168 của Luật doanh nghiệp năm 2020: “Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn”.</p> <p>và khoản 2 Điều 286 NB 155/2020/NĐ-CP:</p> <p>“2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>

			c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	<p>a) <i>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</i></p> <p>b) <i>Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó."</i></p>
87	Khoản 4 Điều 40 (Ban kiểm soát)	<p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 165</b> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <b>phê chuẩn tổ chức</b> kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, <b><u>sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u></b></p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 170</b> Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <b>phê duyệt danh sách</b> tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác; <b><u>đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u></b></p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp <b>và Luật Chứng khoán.</b></p>	<p>Phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019.</p>

88	Khoản 1 Điều 43 (Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi)	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b>Điều 159</b> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của <b><u>Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.</u></b>	Phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019
89	Khoản 3 Điều 44 (Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường)	Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình	<b><u>Bỏ</u></b>	Đã được nêu tại khoản 2 Điều này
90	Khoản 1 Điều 45 (Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ)	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 <b>Điều 27</b> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được <b><u>kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u></b> và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 <b>Điều 12</b> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu <b><u>thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết</u></b> , các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ	Phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 115 Luật DN 2020: <i>"1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây: ..... đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;"</i>

		đồng mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	
91	Khoản 4 Điều 47 (Phân phối lợi nhuận)	Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <b><u>Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</u></b>	Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <b><u>Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</u></b>	Phù hợp quy định của Luật Chứng khoán 2019
92	Điều 49 (Năm tài chính)	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. <b><u>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đến Cơ quan thuế và Cơ quan đăng ký kinh doanh. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.</u></b>	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.	Phù hợp với tên điều luật và tránh trùng lặp với nội dung tại Điều 51 Điều lệ



93	Khoản 1 Điều 51 (Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý)	Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm <b><u>đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh</u></b>	Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này. Công ty phải nộp <b><u>Báo cáo tài chính năm cho Cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật.</u></b>	Phù hợp quy định pháp luật về chế độ kế toán doanh nghiệp
94	Khoản 3 Điều 51 (Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý)	Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho <b><u>cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</u></b>	Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho <b><u>cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật.</u></b>	Phù hợp quy định pháp luật về chế độ kế toán doanh nghiệp
95	Khoản 1 Điều 53 (Kiểm toán)	Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho <b><u>Hội đồng quản trị</u></b> quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với <b><u>Hội đồng quản trị</u></b> . Công ty phải chuẩn bị và	Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho <b><u>Ban kiểm soát</u></b> quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với <b><u>Ban kiểm soát</u></b> . Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công	Phù hợp với quy định về thẩm quyền của BKS và thực tế tại Công ty.

		gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	
96	Khoản 2 Điều 53 (Kiểm toán)	Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<b>Bộ</b>	Phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.
97	Khoản 1 Điều 54 (Con dấu)	Hội đồng quản trị quyết định thông qua <b>con dấu</b> chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.	Hội đồng quản trị quyết định thông qua <b>số lượng, hình thức và nội dung</b> con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.	Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020: "2. <i>Doanh nghiệp quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp.</i> "
98	Điều 55 (Chấm dứt hoạt động)	<b>Điều 55. Chấm dứt hoạt động</b> 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: <b>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</b> b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền ( <b>nếu bắt buộc</b> ) theo quy định.	<b>Điều 56. Các trường hợp giải thể Công ty</b> 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; <b>b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</b> c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <b>trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</b> d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết	Phù hợp với Điều 2 Điều lệ (Công ty hoạt động vô thời hạn) và quy định tại khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020: "1. <i>Doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp sau đây:</i> a) <i>Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</i> b) <i>Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;</i> c) <i>Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà</i>

			định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.	<i>không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</i> <i>d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác."</i>
99	Điều 56 (Gia hạn hoạt động)	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.	<b>Bỏ</b>	Phù hợp với Điều 2 Điều lệ (Công ty hoạt động vô thời hạn)
100	Bổ sung Điều 57 (Thủ tục giải thể)		Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp với quy định tại điểm m khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020: <i>"2. Điều lệ công ty bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</i> <i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; tên, .....</i> <i>m) Trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty;</i> <i>....."</i>
101	Điều 60 (Ngày hiệu lực)	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <b>60</b> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm <b>2018 tại trụ sở chính của Công</b>	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <b>61</b> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm <b>2021</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Bỏ các quy định không phù hợp và bị trùng.

	<p><u>tý số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành <u>mười (10) bản</u>, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. <u>Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</u></p> <p>b. <u>Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố;</u></p> <p>c. <u>Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p> <p><u>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</u></p> <p>4. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành./.</p>	<p>2. Điều lệ được lập thành <u>05 (năm) bản</u>, có giá trị như nhau, <u>và được lưu giữ tại trụ sở Công ty.</u></p>	
--	---	---	--

## TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về điều chỉnh kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình và tài liệu khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở rà soát các nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với các điều khoản nêu tại văn bản đính kèm.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BKS;
- Lưu VT, TK-HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phùng Tiến Toàn

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

(Kèm theo Tờ trình số: 04/TTr-ILS ngày 03 tháng 6 năm 2021  
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế)

STT	Điểm/Khoản/Điều	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do sửa đổi/ bổ sung
1	Khoản 2.1 Điều 2 (Đối tượng và phạm vi áp dụng)	Quy chế này áp dụng đối với tất cả các Cơ quan trong bộ máy quản trị điều hành của Công ty bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các đơn vị, <b><u>Người đại diện vốn, Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng/Phó Văn phòng đại diện của Công ty</u></b> và các cá nhân liên quan trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.	Quy chế này áp dụng đối với tất cả các Cơ quan trong bộ máy quản trị điều hành của Công ty bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị, và các cá nhân liên quan trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.	Phù hợp với phạm vi áp dụng của Quy chế
2	Điểm 2.2.8 khoản 2.2. Điều 2 (Đối tượng và phạm vi áp dụng)	Luật Doanh nghiệp: Là Luật Doanh nghiệp số <b><u>68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</u></b>	Luật Doanh nghiệp: Là Luật Doanh nghiệp số <b><u>59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.</u></b>	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
3	Bổ sung Điểm 2.2.9 khoản 2.2 Điều 2 (Đối tượng và phạm vi áp dụng)		Luật chứng khoán: là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	Phù hợp với Luật Chứng khoán năm 2019.
4	Điểm 2.2.10 Khoản 2.2 Điều 2 (Đối tượng và phạm vi áp dụng)	Người có liên quan: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	Bỏ	Quy chế không nhắc đến khái niệm này
5	Điểm 2.2.11 Khoản 2.2 Điều 2 (Đối tượng và phạm vi áp dụng)	Người có thẩm quyền: Là người có quyền quyết định việc thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của Công ty phù hợp với các quy định Quy chế này	Bỏ	Quy chế không nhắc đến khái niệm này

6	Điều 5 (Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin)	Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản <b><u>hoặc liên hệ trực tiếp với Thư ký Công ty hoặc Người phụ trách quản trị Công ty</u></b> để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện hoặc qua email theo yêu cầu của cổ đông.	Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản <b><u>đến Công ty</u></b> để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện hoặc qua email theo yêu cầu của cổ đông.	Phù hợp với tình hình thực tế của Công ty
7	Điều 9 (Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp)	Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội dựa trên <b><u>sổ đăng ký cổ đông của Công ty</u></b> . Danh sách cổ đông được lập không sớm hơn <b><u>5</u></b> ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.	Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội dựa trên <b><u>danh sách cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp</u></b> . Danh sách cổ đông được lập không sớm hơn <b><u>10 (mười)</u></b> ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.	Phù hợp với quy định của pháp luật về Công ty đại chúng và khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.
10	Khoản 10.1 Điều 10 (Mời họp ĐHĐCĐ)	Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ <b><u>thường trú</u></b> của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, các loại giấy tờ cổ đông/người được ủy quyền phải mang theo để chứng minh nhân thân và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ <b><u>liên lạc</u></b> của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, các loại giấy tờ cổ đông/người được ủy quyền phải mang theo để chứng minh nhân thân và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Phù hợp với khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020

11	Khoản 13.1 Điều 13 (Tiến hành họp ĐHĐCĐ và biểu quyết)	Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 <b>Điều 142</b> Luật Doanh nghiệp.	Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 <b>Điều 146</b> Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
12	Điểm 13.7.1 Khoản 13.7 Điều 13 (Tiến hành họp ĐHĐCĐ và biểu quyết)	Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) đối với từng vấn đề theo trình tự: <b>không tán thành, tán thành</b> , không có ý kiến. Các cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết thể hiện ý kiến biểu quyết.	Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) đối với từng vấn đề theo trình tự: <b>tán thành, không tán thành</b> , không có ý kiến. Các cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết thể hiện ý kiến biểu quyết.	Phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 19 Dự thảo Điều lệ sửa đổi
13	Khoản 13.8 Điều 13 (Tiến hành họp ĐHĐCĐ và biểu quyết)	Điều kiện đề nghị quyết được thông qua được quy định tại <b>Điều 20</b> Điều lệ Công ty.	Điều kiện đề nghị quyết được thông qua được quy định tại <b>Điều 21</b> Điều lệ Công ty.	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi
14	Khoản 13.9 Điều 13 (Tiến hành họp ĐHĐCĐ và biểu quyết)	Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại <b>Điều 21</b> Điều lệ Công ty	Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại <b>Điều 22</b> Điều lệ Công ty	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi
15	Điều 15 (Biên bản họp ĐHĐCĐ)	Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản họp ĐHĐCĐ, ngôn ngữ được sử dụng trong biên bản họp ĐHĐCĐ, cách thức và thời hạn lập, gửi biên bản họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại <b>Điều 22</b> Điều lệ Công ty.	Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản họp ĐHĐCĐ, ngôn ngữ được sử dụng trong biên bản họp ĐHĐCĐ, cách thức và thời hạn lập, gửi biên bản họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại <b>Điều 23</b> Điều lệ Công ty.	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi
16	Điều 18 (Thông báo nghị quyết và biên bản ĐHĐCĐ ra công chúng)	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <b>phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc</b>	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, toàn văn nghị quyết đã được thông qua <b>phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng</b>	Phù hợp với khoản 3 Điều 23 Dự thảo Điều lệ sửa đổi



		<u>gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u>	<u>khoản và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u>	
17	Bổ sung Điều 19 (Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến)		<p><b>Điều 19. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</b></p> <p>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật.</p>	Phù hợp với khoản 10 Điều 19 Dự thảo Điều lệ sửa đổi
18	Điều 19 (Tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên HĐQT)	Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 26</b> Điều lệ Công ty	Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 27</b> Điều lệ Công ty	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi
19	Điều 20 (Tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên BKS)	<p>Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện <u>sau đây:</u></p> <p><u>20.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>20.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và hiểu biết về hoạt động kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</u></p> <p><u>20.3. Không phải là người có liên quan với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.</u></p>	Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện <u>theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.</u>	Thống nhất về thể thức với Điều 19 Quy chế và phù hợp với quy định tại Điều 40 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

		<p><u>20.4. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty từ Phó trưởng ban/Phó Giám đốc Chi nhánh/Phó Giám đốc Trung tâm trở lên</u></p> <p><u>20.5. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty</u></p> <p><u>20.6. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p><u>20.7. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.</u></p>		
20	Khoản 22.1 Điều 22 (Quyền ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS)	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có quyền, đề cử các ứng viên HĐQT/BKS theo quy định tại các khoản 2 <u>Điều 24</u> và khoản 1 <u>Điều 38</u> Điều lệ của Công ty.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10%</u> (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên HĐQT/BKS theo quy định tại các khoản 2 <u>Điều 25</u> và khoản 1 <u>Điều 39</u> Điều lệ của Công ty.	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 (khoản 1, 3 Điều 121) và Dự thảo Điều lệ sửa đổi
21	Khoản 28.1 Điều 28 (Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT)	Thành viên HĐQT/BKS đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT/BKS trong trường hợp sau: 28.1.1. Mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; 28.1.2. Bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết/mất tích; 28.1.3. Hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT	Bỏ	Phù hợp với Điều 34 và Điều 40 Dự thảo Điều lệ sửa đổi
22	Khoản 28.2 Điều 28 (Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT)	Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: 28.2.1 Trường hợp miễn nhiệm: (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều <u>19</u> Quy chế này;	Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: 28.2.1. Trường hợp miễn nhiệm: (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều <u>20</u> Quy chế này;	Phù hợp với Điều 34 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

		<p>(ii) <u>Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt (trừ trường hợp bất khả kháng)</u></p> <p>(iii) Có đơn từ chức và được ĐHĐCĐ chấp thuận.</p> <p>28.2.2. Trường hợp bãi nhiệm:</p> <p>(i) <u>Không hoàn thành nhiệm vụ với tư cách là thành viên HĐQT;</u></p> <p>(ii) <u>Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</u></p> <p>(iii) <u>Theo quyết định của ĐHĐCĐ.</u></p>	<p>(ii) Có đơn từ chức và được ĐHĐCĐ chấp thuận;</p> <p>(iii) <u>Theo quyết định của ĐHĐCĐ;</u></p> <p>(iv) <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>28.2.2. Trường hợp bãi nhiệm:</p> <p>(iv) <u>Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>(v) <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	
23	Khoản 28.3 Điều 28 (Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT)	<p>28.3. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>28.3.1. Trường hợp miễn nhiệm:</p> <p>(i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại <u>Điều 4</u> Quy chế này;</p> <p>(ii) <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên BKS trong 06 tháng liên tục và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt (trừ trường hợp bất khả kháng);</u></p>	<p>28.3. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>28.3.1. Trường hợp miễn nhiệm:</p> <p>(i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại <u>Điều 21</u> Quy chế này;</p> <p>(ii) Có đơn từ chức và được ĐHĐCĐ chấp thuận;</p> <p>(iii) <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</u></p> <p>28.3.2. Trường hợp bãi nhiệm:</p>	Phù hợp với Điều 40 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

		<p>(iii) Có đơn từ chức và được ĐHĐCĐ chấp thuận.</p> <p>28.3.2. Trường hợp bãi nhiệm:</p> <p>(i) Không hoàn thành nhiệm vụ <u>với tư cách là thành viên</u>;</p> <p>(ii) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>(iii) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p>	<p>(i) Không hoàn thành nhiệm vụ, <u>công việc được phân công</u>;</p> <p>(ii) <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</u>;</p> <p>(iii) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>(iv) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>(v) <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</u></p>	
24	Khoản 29.1 Điều 29 (Trách nhiệm của HĐQT về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT/BKS)	Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) hoặc số thành viên BKS còn lại ít hơn so với số thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS theo quy định <u>tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.</u>	<u>Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty</u> , trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) hoặc số thành viên BKS còn lại ít hơn so với số thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS theo quy định.	Phù hợp với Điều 14 Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi
25	Khoản 34.1 Điều 34 (Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị)	<p>34.1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>34.1.1. Tên, trụ sở chính, <u>số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</u></p> <p>34.1.2. Mục đích, chương trình và nội dung họp.</p> <p>34.1.3. Thời gian, địa điểm họp.</p>	<p>34.1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>34.1.1. Tên, trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp.</u></p> <p>34.1.2. Mục đích, chương trình và nội dung họp.</p>	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020

	<p>34.1.4. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.</p> <p>34.1.5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp</p> <p>34.1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.</p> <p>34.1.7. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên <b><u>đồng ý</u></b>, những thành viên <b><u>phản đối</u></b> và những thành viên <b><u>bỏ phiếu trắng</u></b>.</p> <p>34.1.8. Các vấn đề đã được thông qua.</p> <p>34.1.9. <b><u>Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.</u></b></p> <p>34.1.10. Chủ tọa <b><u>và thư ký</u></b> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.</p>	<p>34.1.3. Thời gian, địa điểm họp.</p> <p>34.1.4. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp <b><u>và cách thức dự họp</u></b>; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.</p> <p>34.1.5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp</p> <p>34.1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.</p> <p>34.1.7. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên <b><u>tán thành</u></b>, những thành viên <b><u>không tán thành</u></b> và những thành viên <b><u>không có ý kiến</u></b>.</p> <p>34.1.8. Các vấn đề đã được thông qua <b><u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u></b>.</p> <p>34.1.9. <b><u>Ho, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</u></b></p> <p><b><u>Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật thì biên bản này có hiệu lực.</u></b></p> <p>34.1.10. Chủ tọa, <b><u>người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản</u></b> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.</p>	
--	--	---	--

26	Điều 36 (Tiêu chuẩn thành viên Ban Tổng giám đốc)	<p>36.1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, <b>Điều 18</b> Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật liên quan.</p> <p>36.2. Đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh theo Bản mô tả công việc của Công ty.</p> <p>36.3. Đối với bổ nhiệm lần đầu, phải đảm bảo độ tuổi để đảm nhiệm vị trí ít nhất một nhiệm kỳ tính từ thời điểm được bổ nhiệm.</p> <p>36.4. Đối với trường hợp đặc biệt khác, HĐQT quyết định.</p>	<p>36.1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 <b>Điều 17</b> Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật liên quan.</p> <p>36.2. <b><u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty</u></b>, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh theo Bản mô tả công việc của Công ty.</p> <p>36.3. Đối với bổ nhiệm lần đầu, phải đảm bảo độ tuổi để đảm nhiệm vị trí ít nhất một nhiệm kỳ tính từ thời điểm được bổ nhiệm.</p> <p><b><u>36.4. Đối với vị trí chức danh Tổng giám đốc, người được bổ nhiệm không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp; Kiểm soát viên của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;</u></b></p> <p>36.5. Đối với trường hợp đặc biệt khác, HĐQT quyết định.</p>	Phù hợp với khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020
27	Điểm 37.1.2 khoản 37.1 Điều 37 (Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thời hạn bổ nhiệm thành viên Ban TGD)	Thời hạn bổ nhiệm: là <b>03 năm</b> /nhiệm kỳ hoặc theo quyết định của HĐQT và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Thời hạn bổ nhiệm: là <b>05 năm</b> /nhiệm kỳ hoặc theo quyết định của HĐQT và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT/BKS
28	Điểm 37.2.2 khoản 37.2 Điều 37 (Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và	Thời hạn bổ nhiệm: là <b>03 năm</b> /nhiệm kỳ hoặc theo đề nghị của TGD và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Thời hạn bổ nhiệm: là <b>05 năm</b> /nhiệm kỳ hoặc theo đề nghị của TGD và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT/BKS

	thời hạn bổ nhiệm thành viên Ban TGD)			
29	Điều 41 (Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng giám đốc)	<p>41.1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc được HĐQT thông qua, HĐQT triển khai văn bản quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đến Tổng Giám đốc.</p> <p>41.2. Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được văn bản quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc được công bố, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo trong nội bộ và thông báo tới các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan (nếu cần).</p>	Trong thời hạn 24h (hai mươi tư giờ) kể từ khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng giám đốc được HĐQT thông qua, Công ty có trách nhiệm thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.	Phù hợp với quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán
30	Điểm 47.2.1 Khoản 47.2 Điều 47 (Phối hợp giữa HĐQT và TGD trong việc tổ chức các cuộc họp)	HĐQT họp định kỳ mỗi quý một lần <b>vào tháng đầu tiên hàng quý</b> . Ngoài ra, HĐQT tổ chức họp bất thường trong các trường hợp cần thiết theo quy định tại Khoản 4 <b>Điều 30</b> Điều lệ Công ty.	HĐQT họp định kỳ mỗi quý một lần. Ngoài ra, HĐQT tổ chức họp bất thường trong các trường hợp cần thiết theo quy định tại Khoản 4 <b>Điều 31</b> Điều lệ Công ty.	Phù hợp với tình hình thực tế và Dự thảo Điều lệ sửa đổi.
31	Điều 50 (Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Công ty)	Người quản lý Công ty có trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại <b>Điều 42 và Điều 43</b> Điều lệ Công ty khi thực hiện các nhiệm vụ của mình.	Người quản lý Công ty có trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại <b>Điều 43 và Điều 44</b> Điều lệ Công ty khi thực hiện các nhiệm vụ của mình.	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi
32	Khoản 55.2 Điều 55 (Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị)	Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định tại <b>Điều 31</b> Điều lệ Công ty. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định tại <b>Điều 32</b> Điều lệ Công ty. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi

33	Khoản 57.1 Điều 57 (Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty)	Đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 <b>Điều 32</b> Điều lệ Công ty	Đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 <b>Điều 33</b> Điều lệ Công ty	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi
34	Điểm 61.1.1 Khoản 61.1 Điều 61 (Các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm)	Vi phạm các quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại khoản 4 <b>Điều 32</b> Điều lệ Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty	Vi phạm các quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại khoản 4 <b>Điều 33</b> Điều lệ Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty	Phù hợp với Dự thảo Điều lệ sửa đổi
35	Điều 62 (Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty)	<p>62.1 Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được HĐQT thông qua, HĐQT triển khai văn bản quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đến Tổng Giám đốc.</p> <p>62.2 Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được văn bản quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo trong nội bộ và thông báo tới các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan (nếu cần).</p>	Trong thời hạn 24h (hai mươi tư giờ) kể từ khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được HĐQT thông qua, Công ty có trách nhiệm thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.	Phù hợp với quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán



Số: 05/TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế**

Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần 01) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về điều chỉnh kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình và tài liệu khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và yêu cầu công tác quản trị, giám sát, điều hành đối với kế hoạch phát triển công ty trong năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua mức thù lao đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) năm 2021 như sau:

STT	Chức danh	ĐVT	Mức thù lao (người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	8.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	Đồng	4.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	Đồng	4.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	Đồng	3.000.000
5	Thư ký Hội đồng quản trị	Đồng	2.000.000

Mức thù lao chi trả cho HĐQT và BKS nêu trên là trước thuế. Các thành viên HĐQT và BKS chịu trách nhiệm khai báo và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Pháp luật hiện hành.



Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phùng Tiến Toàn





Số: 01/TTTr - BKS

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**  
**Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế**

Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần 01) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về điều chỉnh kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế về việc thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình và tài liệu khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiêu chí lựa chọn và danh sách ngắn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021 cho Công ty cụ thể như sau:

### 1. Tiêu chí:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán; tư vấn và hỗ trợ kịp thời cho Công ty trong quá trình lập và soát xét BCTC.
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với khối lượng kiểm toán thực tế.

### 2. Danh sách ngắn:

- 2.1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).
- 2.2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA VIETNAM).
- 2.3. Công ty TNHH Kiểm toán ASCO (ASCO).
- 2.4. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
- 2.5. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC).

### 3. Đề xuất:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.



Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Ngô Thị Hoàng Yên**

